TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA

Bản án số:27/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30- 9 -2022
V/v: "Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Loan; Bà Nguyễn Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung, là Thư ký TAND thị xã Bỉm Sơn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh- kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số:92/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, về việc " Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:24/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M- sinh năm 1979

Trú tại: Tổ 3, khu phố 9, phường B, thị xã B, tỉnh T

(Có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Lê T - sinh năm 1975

Nơi ĐKNKTT: tổ 3, khu phố 9, phường B, thị xã B, tỉnh T; hiện nay đang chấp hành án tại tại đội 15, phân trại số 2, trại giam số 5 huyện Y, tỉnh T(Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/8/2022 và bản tự khai nguyên đơn- chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Trần T đến với nhau tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Lĩnh, huyện Q, tỉnh T ngày 01/6/2017. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân vì anh Trần Lê T không chịu làm ăn hay cờ bạc, cắm ký xe, hiện nay anh T đang chấp hành án tại đội 15, phân trại số 2, trại giam số 5 huyện Y, tỉnh T. Vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Lê T.

- Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn: Tại bản tự khai ngày 09/8/2022 anh Lê Trần T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị M kết ngày 01/6/2017 tại UBND xã Quảng Lĩnh, huyện Q, tỉnh T. Quá trình chung sống vợ chồng anh hoàn toàn không có bất kỳ mâu thuẫn gì, bản thanh anh là người không chời bời, bỏ bê gia đình. Ngay cả khi vợ anh đi chấp hành án tại trại giam. Anh phải xin khất án để lo cho chị M. Chăm sóc mẹ đẻ và con nhỏ của vợ. Mâu thuẫn vợ chồng không đến mức phải ly hôn. Nên anh kính mong Tòa án giải quyết để vợ chồng về đoàn tụ.

- Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 29/8/2022 ông Nguyễn Văn T trưởng khu phố 8, phường B, thị xã B cho biết: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Lê T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý. Tuy nhiên, quá trình chung sống chị M phải đi chấp hành án, sau khi chị M chấp hành án xong chở về địa phương thì anh T lại đi chấp hành án và hiện nay đang chấp hành án tạ trại 5, huyện Y. Vì mới đi tù về nên chị M có mở một quán nước bán chính quyền địa phương không nắm rõ việc chị M có quan hệ bất chính với người đàn ông khác hay không vì không nghe đồn và cũng không chứng kiến việc đó. Vậy ông cung cấp thông tin để Tòa án có cơ sở giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 06/9/2022 Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo số:92/TB-TA ngày 15/8/2022. Tuy nhiên anh Trần Lê T đang chấp hành án tại trại 5, huyện Y nên không có mặt tại buổi hòa giải được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị M có mặt tại phiên tòa. Anh Trần Lê T vắng mặt vì đang chấp hành án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử anh Trần Lê T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án.Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228/ Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56/ Luật hôn nhân gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết:326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

Đề nghị bác yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M

* Về án phí: Đề nghị buộc chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Lê T. Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn"; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường B, thị xã B, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Lê T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Lĩnh, huyện Q, tỉnh T đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị M khai vì anh T không chịu làm ăn, hay cắm ký xe và hiện nay đang chấp hành án tại trại 5, Yên Định nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh T cho rằng vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, bản thân anh là người không chơi bời, không bỏ bê gia đình, thời gian vợ anh đi chấp hành án anh ở nhà chăm sóc mẹ và con nhỏ của vợ, mâu thuẫn vợ chồng không đến mức phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy, hiện nay anh T đang chấp hành án tại trại 5, Yên Định, chị M xét thấy vợ chồng xa cách tình cảm đã lâu nên thời gian gần gũi nhau rất ít, khi chị đi chấp hành án về hai vợ chồng cũng không nói chuyện, không quan tâm đến nhau nữa, Sau này khi anh T đi chấp hành án vợ chồng xa nhau, tình cảm ngày càng lạnh nhạt, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Trần Lê T là phù hợp.

[3] Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Tại phiên Tòa, quan điểm của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn về việc đề nghị bác đơn yêu cầu xin ly hôn của chị M. Hội đồng xét xử xét thấy không phù hợp vì vậy không chấp nhận.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bỉm Sơn ngày 15/8/2022 theo biên lai thu số: AA/2021/0005190. Như vậy, chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự

- Điều 51, 56, 57/ Luật hôn nhân gia đình;
- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M

* Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Trần Lê T.

* Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bỉm Sơn ngày 15/8/2022 theo biên lai thu số: AA/2021/0005190. Như vậy, chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Nguyễn Thị M vắng mặt anh Trần Lê T. Chị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án(30/9/2022). Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND thị xã Bỉm sơn;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã Q, Huyện Q(ĐK 01/6/2017)*
- *THA Dân sự thị xã Bỉm Sơn;*
- *Tòa án tỉnh Thanh Hóa*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TỐNG THỊ HÀ